

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 20 - 6 - 2024.

V/v Tranh chấp đòi nợ hụi.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hoàng Điệt;

Ông Đặng Duy Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp đòi nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Kim K; Cư trú tại: Ấp Mỹ H, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị N;

Địa chỉ: Số 7, Khu V, Phường Thuận A, thị xã Long M, tỉnh Hậu Gi (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị N; Cư trú tại: Ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trương Thuận E; Cư trú tại: Ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim K và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Vào ngày 20/5/2023 vợ chồng bà Trần Thị N và ông Trương Thuận E có mượn bà Hồ Thị Kim K số tiền là: 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), khi mượn có mặt bà N và ông Thuận E, nhưng ký tên vào biên nhận thì chỉ

có bà N ký và hứa thời hạn 05 tháng tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày 20/10/2023 sẽ trả đủ số tiền 123.000.000 đồng cho bà K. Sau khi mượn tiền đến nay đã quá thời hạn trả nhưng vợ chồng bà Trần Thị N và ông Trương Thuận E không trả cho bà K.

Bà Hồ Thị Kim K yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc bà Trần Thị N và ông Trương Thuận E phải trả cho bà K số tiền vay không lãi là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng) và lãi suất từ ngày 21/5/2023 đến ngày xét xử là ngày 20/6/2024 số tiền là 13.271.700 đồng (Mười ba triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm đồng).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Bà Trần Thị N thừa nhận ngày 20/5/2023 bà Trần Thị N có làm tờ cam kết nợ tiền hụi của bà Hồ Thị Kim K số tiền là: 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), bà N là chủ hụi còn bà K là hụi viên, ông Thuận E không có tham gia hụi, tờ cam kết là do bà N ký nhận nợ không có ông Thuận E ký nhận nợ và hứa thời hạn 05 tháng tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày 20/10/2023 sẽ trả đủ số tiền 123.000.000 đồng cho bà K. Lý do chưa trả là bà N chưa sang nhà được nên không có tiền trả cho bà K. Qua yêu cầu khởi kiện của bà K thì bà N đồng ý trả số tiền hụi còn nợ là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), còn về lãi suất thì bà N không đồng ý, lý do không phải tiền vay nên không đồng ý trả tiền lãi suất.

Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E trình bày:*

Ông Trương Thuận E không có nợ tiền của bà Hồ Thị Kim K, số tiền 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng) là tiền gì giữa bà N và bà K thì ông Thuận E không biết. Qua yêu cầu khởi kiện của bà K thì ông Thuận E không đồng ý, lý do ông Thuận E không có nợ tiền bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng chơi hụi, nguyên đơn cung cấp Tờ cam kết giữa nguyên đơn và bị đơn lập ngày 20/5/2023 bị đơn ký nhận còn nợ tiền hụi của nguyên đơn là 123.000.000 đồng, từ khi cam kết thì bị đơn không thanh toán tiền hụi cho nguyên đơn. Nhưng nguyên đơn yêu cầu bị

đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả tiền vay không lãi cho nguyên đơn và yêu cầu tính lãi suất. Tờ cam kết là do bị đơn ký nhận nợ tiền hui còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ký nhận nợ tiền hui, nên nguyên đơn yêu cầu ông Thuận E là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hui cho nguyên đơn là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E trả tiền nợ hui và tiền lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E đã có lời khai tại Tòa án nên việc vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Nguyệt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền vay không lãi. Trong quá trình vay tiền bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền vay không lãi, nhưng nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Tờ cam kết bị đơn nợ tiền hui. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi nợ hui chứ không phải tranh chấp hợp đồng vay tài sản như Tòa án xác định theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khi thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp với nội dung tranh chấp.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đòi nợ hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Bị đơn thừa nhận có nợ tiền hui của nguyên đơn và nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Tờ cam kết bị đơn nợ tiền hui. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền vay không lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn nợ tiền hui của nguyên đơn là 123.000.000 đồng, bị đơn có làm Tờ cam kết cho nguyên đơn và hẹn trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 20/5/2023 đến ngày 20/10/2023 sẽ trả cho nguyên đơn. Trong tờ cam kết không có chữ ký tên của ông Thuận E và ông Thuận E cũng không thừa nhận sự việc giao dịch tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh được là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E dùng số tiền trên sinh hoạt chi tiêu trong gia đình nhưng do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng, nên nguyên đơn khởi kiện bà N và ông Thuận E. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”, nguyên đơn không có chứng cứ, chứng minh là tiền vay không lãi chỉ là lời trình bày từ một phía của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Thuận E trả số tiền vay không lãi là chưa có căn cứ, chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi nợ hui.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Tờ cam kết nguyên đơn cung cấp thì giữa nguyên đơn và bị đơn ghi nợ tiền hui không phải tiền vay, nếu không trả sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và không có thỏa thuận về lãi suất như nguyên đơn khởi kiện, nguyên đơn cũng không chứng minh được là hai bên có thỏa thuận tính lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi là không có căn cứ. Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận là 663.585 đồng. Bị đơn phải chịu án phí là 6.150.000 đồng (Sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim K. Buộc bị đơn bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Kim K số tiền hụi còn nợ là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim K. Buộc bị đơn bà Trần Thị N trả lãi suất là 13.271.700 đồng (Mười ba triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim K. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E trả tiền vay không lãi và tiền lãi suất là 13.271.700 đồng (Mười ba triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 663.585 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.202.000 đồng, theo biên lai thu số 0003504 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, nguyên đơn được nhận lại số tiền 2.538.415 đồng (Hai triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm mười năm đồng).

- Bị đơn bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.150.000 đồng (Sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thuận E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Thị Kiều Oanh**

